

TECHCOMBANK 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL

REPORT

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CÓ PHẦN
KỶ THƯƠNG
VIỆT NAM

VIETNAM
TECHNOLOGICAL
AND
COMMERCIAL
JOINT STOCK
BANK

ANNUAL REPORT

MỤC LỤC

Tóm tắt kết quả hoạt động	1
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Thông điệp của Tổng Giám đốc	6
Kết quả kinh doanh 2003	8
– Các kết quả tích cực chủ yếu	
– Các tồn tại khó khăn cần khắc phục	
Công tác huy động vốn	10
– Công tác huy động vốn từ dân cư và các tổ chức kinh tế	
– Công tác huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng	
Hoạt động tín dụng	12
– Tín dụng doanh nghiệp	
– Tín dụng bán lẻ	
Quản trị rủi ro	14
– Rủi ro tín dụng	
– Rủi ro thị trường	
Chương trình hiện đại hóa ngân hàng	16
– Hoàn thành việc triển khai hệ thống Globus	
– Hệ thống quản trị chất lượng theo ISO 9001:2000	
– Thẻ thanh toán F@stAccess	
Hoạt động tài chính và kế toán	20
Dịch vụ thanh toán quốc tế	20
Hoạt động nhân sự	22
Công tác Marketing và phát triển sản phẩm	24
– Công tác phát triển sản phẩm	
– Xây dựng biểu tượng mới cho Ngân hàng	
– Các hoạt động thông tin truyền và quan hệ đại chúng	
Các chương trình hợp tác – hỗ trợ kỹ thuật	26
Thâm gia dự án do World Bank tài trợ	26
Các mục tiêu cho năm 2004	28
Cơ cấu Quản trị ngân hàng	30
– Sơ đồ tổ chức	
– Hội đồng Quản trị	
– Ban Kiểm soát	
– Ban Điều hành	
– Danh sách Trưởng phòng ban Hội sở, Ban Giám đốc chi nhánh	
Báo cáo kiểm toán Techcombank	42
Danh sách các ngân hàng đại lý	68
Hệ thống mạng lưới các chi nhánh	69



CONTENTS

Performance Summary	1
Chairman's Statement	5
Statement of the CEO	7
Business results	9
– Significant achievement	
– Shortcomings	
Funds mobilisation activities	11
– Mobilising funds from individuals and businesses	
– Mobilising funds from the interbank market	
Credit activities	13
– Corporate credit	
– Retail credit	
Risk management	15
– Credit risk	
– Market risk	
Bank modernisation programme	17
– Deploying the Globus system	
– ISO 9001:2000 quality management system	
– F@stAccess – debit card	
Finance and accounting activities	21
International settlement activities	21
Personnel management	23
Marketing and product development activities	25
– Product development activities	
– Developing a new logo and corporate identity for the bank	
– Public relations activities	
Technical assistance and co-operation programmes	27
Taking part in the World Bank funded rural finance project	27
Targets for 2004	29
Corporate governance	30
– Organisational chart	
– Board of Directors	
– Supervisory Board	
– Board of Management	
– List of Directors of Branches and Head Office Departments	
Auditor's report	41
Correspondent banks	68
Techcombank's network	69

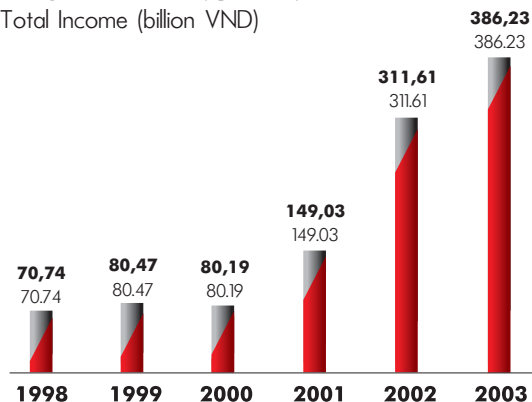


TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

PERFORMANCE SUMMARY

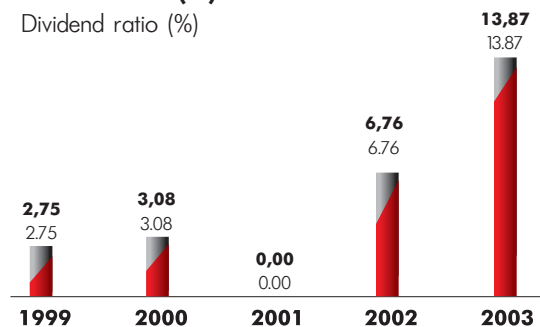
Tổng doanh thu (tỷ VND)

Total Income (billion VND)



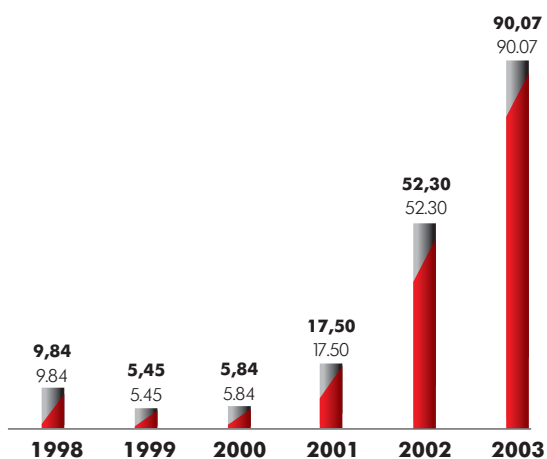
Chi số cổ tức (%)

Dividend ratio (%)



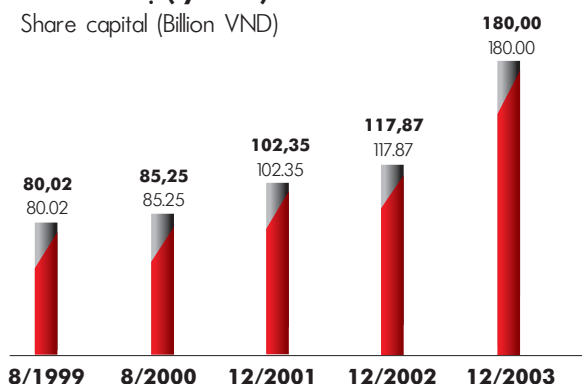
Lợi nhuận trước thuế, trước dự phòng rủi ro (tỷ VND)

Profit before tax and loan loss provision (billion VND)



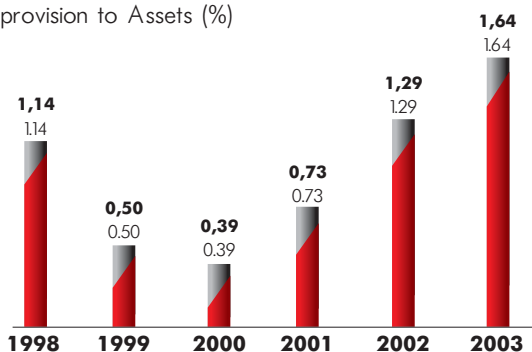
Vốn điều lệ (tỷ VND)

Share capital (Billion VND)



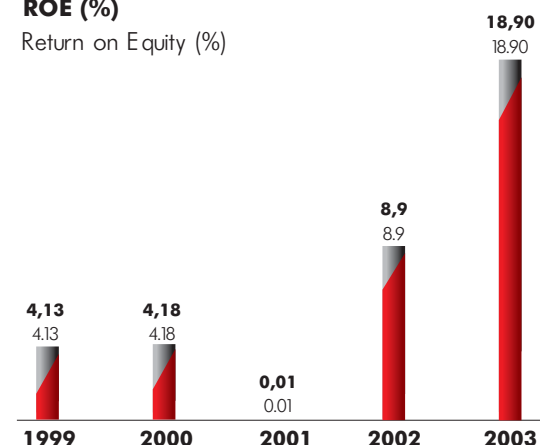
Lợi nhuận trước thuế, trước dự phòng rủi ro/Tài sản có (%)

Ratio of Profit before tax and loan loss provision to Assets (%)



ROE (%)

Return on Equity (%)



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2003, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam vừa tròn 10 năm thành lập. 10 năm qua, chúng ta đã chứng kiến biết bao biến đổi sâu sắc của đời sống chính trị xã hội trên toàn đất nước và trong đó có sự phát triển kỳ diệu của ngân hàng chúng ta. Cái khó khăn nhất của thời kỳ ban đầu, bên cạnh sự bé nhỏ của vốn hoạt động, mạng lưới mỏng, nhân viên thiếu kinh nghiệm là một "Văn hoá kinh doanh ngân hàng" mới chỉ được hình thành từ một nền kinh tế vừa ra khỏi cơ chế bao cấp. Những thử thách đối với chúng ta thật lớn lao, có lúc tưởng chừng không vượt qua nổi. Nhưng tập thể ngân hàng chúng ta mà phần lớn là những người trẻ tuổi đã dũng cảm đi vào cuộc sống, lăn lộn với khó khăn của chính cuộc sống, tìm cho mình những lời giải xác đáng để đến hôm nay, chúng ta có thể tự hào với thành quả vinh quang của mình.

Tổng tài sản: 5.510 tỷ VND

Vốn điều lệ: 180 tỷ VND

Dư nợ tín dụng: 2.296 tỷ VND

Tỉ lệ nợ quá hạn: 3,68%

**Lợi nhuận trước thuế trước dự phòng rủi ro:
90,07 tỷ VND**

Tổng số cán bộ nhân viên: 466 người

**Mạng lưới bao gồm: 01 Trung tâm kinh
doanh, 10 Chi nhánh và 4 Phòng giao dịch**

Nhưng điều quan trọng hơn cả không phải là những con số nêu trên mà là ở Techcombank đã hình thành một đội ngũ những người làm việc từ ban Tổng Giám đốc đến các cán bộ nhân viên một phong cách làm việc có tính chuyên nghiệp cao, có sự đoàn kết nhất trí sâu sắc. Họ biết đặt lợi ích của cá nhân vào trong lợi ích của tập thể và xã hội. Một văn hoá Techcombank đang hình thành và phát triển.

Và điều quan trọng nhất trong những nguyên nhân của sự thành công ngày hôm nay là sự vững vàng của các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị qua các thời kỳ. Họ đã vững tin vào con đường mình đã chọn ngay cả trong những ngày tháng khó khăn nhất trong quá trình phát triển ngân hàng.

Kết quả rực rỡ của ngày hôm nay chính là cơ sở vững chắc để chúng ta vững bước tiến lên phía trước. Cùng với sự phát triển của cả nước, Techcombank sẽ hoàn thành mục tiêu phát triển, trở thành một trong những ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Tiến sĩ Lê Kiên Thành

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả kinh doanh đầy khả quan và đáng khích lệ

Năm 2003 tiếp tục là một năm hoạt động thành công của Techcombank. Lợi nhuận trước thuế đã đạt mức cao nhất trong lịch sử phát triển 10 năm của ngân hàng, đạt 42,17 tỷ VND, tăng hơn 182% so với năm 2002. Năm 2003, sau nhiều năm ở mức thấp, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 18,90% và tỷ lệ cổ tức đạt 13,87%. Các kết quả hoạt động đáng khích lệ này là nguồn động lực vô cùng quan trọng đối với các cổ đông, cán bộ nhân viên ngân hàng và các bên quan tâm khác, tạo uy tín cho ngân hàng và đóng vai trò rất lớn trong việc tăng vốn huy động của ngân hàng qua việc phát hành thêm cổ phiếu mới. Đạt được kết quả này, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên ngân hàng ở mọi vị trí về sự cố gắng và nỗ lực của họ, yếu tố cơ bản làm nên sự thành công của chúng ta trong năm vừa qua.

Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hiện đại hoá ngân hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh

Song song với việc triển khai thành công phần mềm công nghệ hiện đại Globus trên toàn hệ thống, trong năm 2003, toàn bộ các chi nhánh và các đơn vị trong hệ thống Techcombank đã tiếp tục mạnh mẽ việc cải tổ, hoàn thiện các quy trình hoạt động và quy trình nghiệp vụ để tương thích với phần mềm mới, đồng bộ với các hoạt động hướng dẫn, đào tạo về sử dụng phần mềm mới. Trên nền tảng của Globus, công tác nghiên cứu các tính năng của phần mềm mới vào phục vụ công tác quản trị ngân hàng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu khách hàng và xây dựng các sản phẩm mới đã bước đầu được xúc tiến.

Nhận thức sâu sắc rằng con người là nhân tố quan trọng nhất trong việc tiếp thu, vận hành, ứng dụng công nghệ và kỹ năng mới để tạo ra các thay đổi toàn diện trong mọi mặt của hoạt động ngân hàng, công tác đào tạo, nâng cao trình độ quản trị và kỹ năng thao tác của cán bộ Techcombank trong năm 2003 tiếp tục là một trong các chú trọng lớn của ngân hàng. Bên cạnh các khoá đào tạo thông thường, nhiều hoạt động tư vấn, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp trong

lĩnh vực quản trị và vận hành ngân hàng đã được tổ chức, mang lại nhiều kiến thức và cách nhìn mới cho Ban lãnh đạo và các cán bộ nhân viên Ngân hàng.

Năm 2003 cũng chứng minh một thành công đáng kể của Techcombank trong việc cải thiện vị thế và năng lực cạnh tranh thông qua các liên minh hợp tác chiến lược. Techcombank đã là ngân hàng cổ phần đầu tiên ký thỏa thuận với Vietcombank trong việc phát hành thẻ thanh toán (debit) F@stAccess-Connect24; tham gia ký hợp đồng hợp tác liên minh thẻ với Vietcombank và 10 Ngân hàng thương mại khác với mục tiêu là liên kết hệ thống phát hành và chấp nhận thẻ lẫn nhau giữa các Ngân hàng.

Định hướng cho năm mới

Năm 2004 tiếp tục là một năm bản lề trong chiến lược phát triển theo chiều sâu của Techcombank với các định hướng trọng tâm:

- ▶ Phát triển cơ sở khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trên nền tảng một chính sách marketing đồng bộ và hiệu quả.
- ▶ Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động mọi mặt với trọng tâm nâng cao chất lượng tài sản có, hiệu quả đồng vốn đầu tư, tiêu chuẩn hoá quy trình hoạt động và dịch vụ phục vụ khách hàng.
- ▶ Đẩy mạnh khai thác các hệ thống công nghệ và phát triển sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ cao (nâng cấp GLOBUS và xây dựng hệ thống thẻ...).
- ▶ Phát triển mạng lưới phủ sóng các đô thị lớn.
- ▶ Tiếp tục phát triển nguồn lực cho tương lai.

Tôi tin rằng, với sự cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng, sự điều hành và quản trị tập trung, nhất quán theo các định hướng ưu tiên nói trên, Techcombank sẽ hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra cho năm 2004 và tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong các năm tiếp theo.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Vinh

KẾT QUẢ KINH DOANH

Chi số Key performance measures	2002	2003	2003 so với 2002 2003 vs 2002
Tổng tài sản quy đổi (tỷ VND) Total assets (billion VND)	4.060 4,060	5.510 5,510	+35,71 % +35.71 %
Tổng nguồn vốn huy động (tỷ VND) Total mobilised funds (billion VND)	3.607 3,607	5.150 5,150	+42,78 % +42.78 %
Dư nợ tín dụng (tỷ VND) Loans outstanding (billion VND)	1.896 1,896	2.297 2,297	+13,17 % +13.17 %
Tỷ lệ nợ quá hạn (%) Overdue debt ratio (%)	4,58 4.58	3,68 3.68	-19,44 % -19.44 %
Lợi nhuận trước thuế, trước dự phòng (tỷ VND) Profit before tax and loan loss provision (billion VND)	52,30 52.30	90,07 90.07	+72,21 % +72.21 %
Trích lập dự phòng rủi ro (tỷ VND) Loan loss provision (billion VND)	46,96 46.96	47,90 47.90	+2 % +2 %
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND) Profit before tax (billion VND)	14,93 14.93	42,17 42.17	+182% +182%
ROE (%) Return on Equity (%)	8,90% 8.90%	18,90% 18.90%	+ 257,1% + 257.1%

CÁC KẾT QUẢ TÍCH CỰC CHỦ YẾU

- ▶ Giảm tỉ lệ nợ không sinh lời xuống còn 3,68%/Tổng dư nợ. Trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro theo quy định của ngân hàng nhà nước, đa dạng hoá cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu cho vay.
- ▶ Hoàn thiện các quy trình quản lý chất lượng đối với quy trình quản lý tín dụng và quy trình thanh toán trên nền tảng công nghệ mới.
- ▶ Bước đầu triển khai thành công hệ thống phát hành thẻ Techcombank F@stAccess.
- ▶ Nâng vốn điều lệ từ mức 117,870 tỷ đồng đầu năm lên mức 180 tỷ đồng (tăng hơn 50%) để từ đó nâng cao khả năng tự chủ về tài chính của Techcombank, tạo điều kiện mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động cũng như nâng cao uy tín của Techcombank trong hệ thống các Ngân hàng TMCP.
- ▶ Củng cố một bước hệ thống quản lý rủi ro tín dụng. Bước đầu thiết lập hệ thống theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường.
- ▶ Cấu trúc lại các quy trình kinh doanh và quy trình quản lý trên cơ sở tách bạch khối kinh doanh (front office) và

khối hỗ trợ kiểm soát (back office). Từng bước hoàn thiện hệ thống kế toán trên cơ sở rõ ràng, minh bạch và bước đầu thiết lập hệ thống xử lý thông tin quản trị ngân hàng, phục vụ cho công tác phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và hỗ trợ ra quyết định.

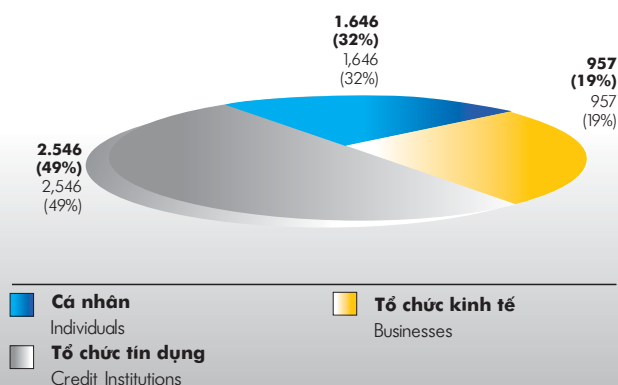
- ▶ Phát triển tăng thu dịch vụ các loại lên 47% so với năm 2002, đặc biệt là dịch vụ Thanh toán quốc tế.

CÁC TỒN TẠI KHÓ KHĂN CẦN KHẮC PHỤC

- ▶ Định hướng phục vụ dân cư với trọng tâm là huy động nguồn vốn và các dịch vụ bán lẻ vẫn chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Một phần nguyên do quan trọng là lực lượng nhân sự kinh doanh bán lẻ còn thiếu và chưa thích hợp.
- ▶ Các hệ thống, quy trình nghiệp vụ đã được triển khai nhưng việc áp dụng còn nhiều thiếu sót, bất cập dẫn đến hiệu quả hạn chế.
- ▶ Phát triển mạng lưới chậm và chưa đạt kế hoạch.

Tính đến cuối ngày 31/12/2003, tổng nguồn vốn huy động của Techcombank đạt 5.150 tỷ đồng, tăng hơn 1.543 tỷ đồng so với cuối năm 2002. Trong đó tổng lượng vốn huy động từ thị trường dân cư và các tổ chức kinh tế chiếm 51%, vốn trên thị trường liên ngân hàng chiếm 49%.

Cơ cấu huy động vốn của Techcombank 2003 (tỷ VND)
Structure of Mobilised Funds in 2003 (billion VND)



CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN TỪ DÂN CƯ VÀ CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

Tổng nguồn vốn huy động từ khu vực dân cư và các tổ chức kinh tế của Techcombank đến cuối năm 2003 đạt 2.604 tỷ đồng, tăng 596 tỷ đồng so với năm 2002.

Nguồn vốn huy động từ khu vực dân cư đạt 1.646 tỷ đồng trong đó nguồn huy động ngoại tệ quy đổi đạt 686 tỷ đồng, chiếm 42%, VND đạt 961 tỷ đồng chiếm 58%. Trong năm 2003, do ảnh hưởng của cuộc chạy đua về lãi suất giữa các ngân hàng và việc các ngân hàng quốc doanh tăng cao lãi suất huy động làm cho mức huy động của các ngân hàng cổ phần trong đó có Techcombank bị chậm lại. Tổng mức tăng trưởng huy động dân cư của Techcombank tăng 352 tỷ đồng so với mức tăng trưởng hơn 400 tỷ của năm 2002..

Công tác huy động vốn từ các tổ chức kinh tế của Techcombank trong năm 2003 đã được đơn vị quan tâm chú trọng hơn so với năm trước. Nguồn vốn huy động của các tổ chức kinh tế đạt 957 tỷ đồng bằng 127% kế hoạch, tăng 244 tỷ đồng so với cuối năm 2002. Trong đó nguồn tiền gửi có kỳ hạn đạt 234 tỷ đồng, nguồn tiền gửi không kỳ hạn đạt 739 tỷ đồng.

CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN TỪ THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG

Trong năm 2003 vừa qua, hoạt động kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng của Techcombank tiếp tục được đẩy mạnh. Tổng nguồn vốn huy động từ các tổ chức tín dụng của Techcombank đạt 2.546 tỷ đồng, chiếm 49% tổng nguồn vốn huy động của Techcombank, tăng 947 tỷ đồng so với cuối năm 2002. Tính đến 31/12/2003, Techcombank đã có quan hệ giao dịch nguồn vốn với 103 tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Việc mở rộng các hoạt động giao dịch trên thị trường liên ngân hàng không những đã đảm bảo tốt khả năng thanh toán của Techcombank mà còn mang lại thu nhập đáng kể cho ngân hàng cũng như khẳng định uy tín của Techcombank trong cộng đồng các tổ chức tài chính.

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Năm 2003, Techcombank tăng trưởng tín dụng thận trọng trên nguyên tắc có lựa chọn và phản ứng linh hoạt trước các biến động của thị trường. Không ngừng hoàn thiện quy chế, cải tiến quy trình nghiệp vụ tín dụng nhằm phục vụ tốt các khách hàng truyền thống nhưng đồng thời cũng tăng cường tính an toàn, hiệu quả trong hoạt động của Techcombank.

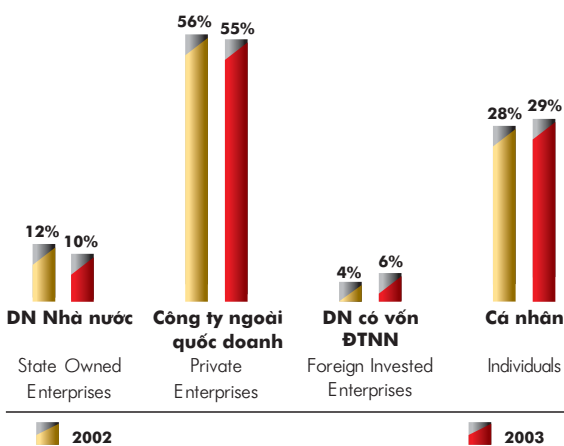
Tổng dư nợ của Techcombank đến 31/12/2003 đạt 2.296 tỷ đồng tăng 400 tỷ đồng, hơn 21% so với cuối năm 2002. Dư nợ ngắn hạn của các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước tính đạt 1.605 tỷ đồng chiếm 70%, dư nợ cho vay trung dài hạn đạt 691 tỷ đồng, chiếm 30% tổng dư nợ.

I TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

Khách hàng chính của Techcombank là các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 55% tổng dư nợ của toàn hệ thống, đạt hơn 1.262 tỷ đồng. Năm 2003 đã đánh dấu một bước chuyển biến tích cực trong cơ cấu dư nợ của Techcombank. Sự tăng lên gấp đôi của dư nợ đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (từ 70,9 tỷ lên 140,28 tỷ VND) đã từng bước khẳng định sự tin tưởng của loại hình doanh nghiệp này đối với Techcombank và hơn nữa đó là sự tự tin của Techcombank vào hệ thống kiểm soát rủi ro cũng như vào những sản phẩm dịch vụ tín dụng phong phú, chất lượng cao của mình. Bên cạnh đó, sự giảm của tỷ lệ cho vay đối với các doanh nghiệp nhà nước từ năm 2001 đến nay tiếp tục khẳng định việc chuyển đổi cơ cấu tín dụng sang các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân. Tín dụng của Techcombank tập trung chủ yếu trong lĩnh vực Thương mại (chiếm 50% tổng dư nợ), Sản xuất và Chế biến (chiếm 29%).

Thay đổi cơ cấu dư nợ theo các nhóm khách hàng lớn (%)

Changes in loan portfolio by major customer segments (%)



I TÍN DỤNG BÁN LẺ

Bên cạnh việc phát triển các dịch vụ ngân hàng dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Techcombank cũng hết sức chú trọng tới việc xây dựng và cung cấp một hệ thống các sản phẩm tín dụng bán lẻ. Dư nợ tín dụng cá thể của Techcombank trong năm 2003 đạt hơn 673 tỷ đồng tăng 25% so với thời điểm cuối năm 2002, nhờ vào sự tăng trưởng mạnh của thị trường nhà ở và tiêu dùng ô tô trong năm 2003 cũng như việc Techcombank đã phát triển được nhiều sản phẩm bán lẻ mới như “Hỗ trợ kinh doanh cá thể” và sản phẩm thẻ F@stAccess. Với việc trong năm 2004, Techcombank sẽ cho ra thị trường sản phẩm mới Ứng trước tài khoản cá nhân F@stAdvance, chắc chắn các hoạt động tín dụng bán lẻ sẽ có thêm đà cho sự tăng trưởng mới.



Họp tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2003 tại Hà Nội
Business review meeting of senior management for 2003 in Hanoi

Kiểm soát rủi ro tiếp tục là một trong những công tác trọng tâm của Techcombank trong năm 2003. Hệ thống kiểm tra giám sát chất lượng tín dụng tiếp tục được tăng cường tại từng chi nhánh. Trong năm 2003, Techcombank đã thực hiện từng bước cấu trúc lại các quy trình kinh doanh và quy trình quản lý trên cơ sở tách bạch khối kinh doanh (front office) và khối hỗ trợ kiểm soát (back office) tại một số chi nhánh lớn trên hệ thống. Mô hình trên bước đầu đã phát huy tác dụng thể hiện qua việc đẩy nhanh tốc độ phục vụ khách hàng và tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro trước và sau khi giải ngân.



Phòng Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp Trung tâm Kinh doanh
Corporate Banking Department of the Business Centre

I RỦI RO TÍN DỤNG

Hệ thống tài thẩm định và phân tích rủi ro tín dụng được củng cố và xây dựng, tạo ra một kênh phân tích độc lập hỗ trợ cho việc đánh giá của cấp phê duyệt tín dụng, đang từng bước khẳng định là cánh tay nối dài của Ban Tổng giám đốc trong việc giám sát và nâng cao chất lượng tín dụng tại từng đơn vị. Tỷ lệ nợ quá hạn trước dự phòng rủi ro/Tổng dư nợ của Techcombank đến 31/12/2003 đạt 3,68% so với tỷ lệ 4,58% vào cuối tháng 12 năm 2002. Tổng số nợ quá hạn phát sinh từ năm 2002 trở về trước đó thu hồi được hơn 31 tỷ đồng, trong đó riêng tại Ban xử lý nợ phía Nam đã thu hồi được 28 tỷ đồng. Tính tới cuối tháng 9 năm 2003, Techcombank đã trích lập đủ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN với tổng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đạt mức 83,168 tỷ đồng.

I RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Năm 2003, Ủy ban ALCO (Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có) đã thông qua Chính sách quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro thị trường và áp dụng thống nhất cho toàn hệ thống. Ban Quản trị rủi ro – Phòng Kế hoạch Tổng hợp dưới sự chỉ đạo và giám sát của Ủy ban ALCO đã xây dựng và từng bước đưa vào áp dụng các mô hình quản trị hiện đại như GAP; MCO (Maximum Cumulative Outflow); FS (Factor Sensitivity); VAR (Value at Risk)... Bên cạnh đó, việc triển khai thành công hệ thống tin học hiện đại, tập trung quản lý dữ liệu toàn hệ thống sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Techcombank đẩy mạnh và hoàn thiện tin học hoá công tác quản trị rủi ro thị trường trong năm 2004.

TRIỂN KHAI VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG GLOBUS

Năm 2003, Techcombank đã kết thúc thành công giai đoạn một của dự án triển khai hệ thống phần mềm ngân hàng Globus trên toàn bộ mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch của mình. Đây là một hệ thống quản trị ngân hàng tập trung trực tuyến tiên tiến hàng đầu thế giới do tập đoàn Temenos của Thụy Sĩ phát triển và lần đầu tiên được triển khai ở Việt Nam. Điểm nổi bật của Globus là khả năng tích hợp các module chức năng đa dạng như tín dụng, tiền gửi, quản lý nguồn vốn, giao dịch ngoại hối... và khả năng tương thích với các chuẩn ngân hàng phổ biến trên thế giới như hệ thống thanh toán điện tử SWIFT, các kênh thanh toán Internet banking, ATM...

Sau khi triển khai thành công trên toàn mạng lưới Techcombank, Globus đã bước đầu chứng tỏ tính ưu việt so với hệ thống cũ. Tính năng quản lý tập trung của Globus cũng cho phép công tác quản trị rủi ro được chặt chẽ hơn, thông tin được cập nhật kịp thời hơn. Đồng thời, Globus còn cung cấp những module chuyên dụng cho công tác này như MIS (Management Information System), PM (Position Management).

Hệ thống Globus còn là một công cụ tuyệt vời, hỗ trợ đắc lực cho Techcombank nâng cao vị thế cạnh tranh của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng sự thuận tiện, đơn giản và các sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ cao. Khách hàng ngay lập tức đã có thể sử dụng các lợi ích như một số nhận dạng duy nhất trên cả hệ thống và thực hiện các thao tác chuyển tiền tại bất kỳ chi nhánh nào cũng như sử dụng hệ thống ATM trên toàn quốc. Trong năm 2004, Techcombank sẽ giới thiệu hai sản phẩm mới trên nền tảng Globus là F@stSaving (Tài khoản tiết kiệm) và F@stAdvance (Ứng trước tài khoản cá nhân). Trong tương lai các tính năng xử lý tự động của Globus sẽ cho phép Techcombank đa dạng hóa hoạt động, phát triển thêm những sản phẩm mới khác, đưa Techcombank tiến gần hơn tới các tiêu chuẩn ngân hàng quốc tế và khẳng định thương hiệu của mình tại Việt Nam như là một ngân hàng được ưa thích nhất.



Cắt băng khánh thành dự án hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng
Inauguration ceremony of the Globus core banking system

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO ISO 9001:2000

Với mục tiêu hướng tới khách hàng, việc triển khai và áp dụng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong năm 2003 đã đạt được một số kết quả nhất định. Hai nghiệp vụ quan trọng là nghiệp vụ tín dụng và thanh toán tại Hội sở đã được chuẩn hóa theo hệ thống quản lý chất lượng. Hệ thống tài liệu Techcombank bước đầu đã được quản lý một cách đồng nhất, các tài liệu ban hành được kiểm soát chặt chẽ về nội dung cũng như tính hiệu lực của văn bản. Cụ thể hóa quy trình làm việc theo hệ thống chất lượng cũng đã mang lại sự đơn giản hóa trong việc thực hiện nghiệp vụ, tăng năng suất và chất lượng dịch vụ của Techcombank đối với khách hàng.

CHƯƠNG TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA NGÂN HÀNG



Tổng Giám đốc các ngân hàng
Liên minh thẻ tại lễ ký
CEOs of card alliance banks
at signing ceremony

Chủ tịch HĐQT Techcombank Lê Kiên Thành
phát biểu tại lễ ký Liên minh thẻ

Dr. Lê Kiên Thành, Techcombank's Chairman,
speaking at card alliance signing ceremony

THẺ THANH TOÁN **F@STACCESS**

Năm 2003, đánh dấu một sự kiện quan trọng đó là Techcombank tham gia thị trường thẻ Ngân hàng Việt Nam. Dựa trên nền tảng công nghệ của Globus và sự hợp tác liên kết với Vietcombank, Techcombank đã phát triển sản phẩm thẻ thanh toán F@stAccess – Connect 24 và chính thức phát hành thẻ ngày 05/12/2003.

Nhờ hệ thống mới, Techcombank trở thành một trong những Ngân hàng đầu tiên thực hiện được nghiệp vụ phát hành thẻ thanh toán kết nối trực tiếp từ tài khoản cá nhân.

Tính đến cuối năm 2003, Techcombank đã phát hành được 1600 thẻ F@stAccess cho khách hàng, dự kiến đạt khoảng 5000 thẻ trong quý 1/2004 và đạt 15-20.000 thẻ trong năm 2004.

Với mục đích phát triển các sản phẩm thẻ đa dạng phục vụ nhu cầu của khách hàng, từ 8/12/2003, Techcombank đã ký hợp đồng với Master Card International để trở thành đại lý của tổ chức này. Và theo dự kiến, Techcombank sẽ thực hiện việc phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard vào cuối năm 2004.



Việc phát triển sản phẩm thẻ F@stAccess trong năm 2003 trên toàn hệ thống đã được thực hiện bởi tổ đề án thẻ. Từ ngày 01/05/2004, Trung tâm thẻ thuộc Hội sở Techcombank đã được thành lập hướng tới một sự quản lý có hiệu quả hơn, mang lại ngày càng nhiều tiện ích cho khách hàng sử dụng thẻ thanh toán của Techcombank.

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

Năm 2003, công tác kế toán và tài chính của Techcombank đã hoàn thiện bước một việc thử nghiệm hệ thống hạch toán thu nhập chi phí theo Phòng ban tại Hội sở chính. Hệ thống báo cáo kế toán P&L (Profit & Loss) theo Phòng ban được thiết lập và có báo cáo định kỳ từ tháng 6/2003, từ đó giúp Ban quản trị Ngân hàng đưa ra được những quyết định quản lý kịp thời, chính xác. Năm 2004, hệ thống này sẽ được triển khai rộng rãi cho một số chi nhánh lớn của Techcombank như: Trung Tâm Kinh Doanh, Hồ Chí Minh, Hoàn Kiếm.

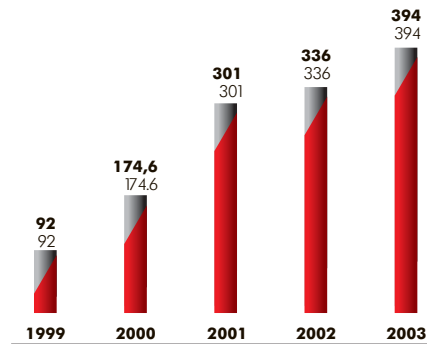
Cùng với chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và việc chuyển đổi sang hệ thống Globus, Techcombank đã thành công trong việc chuyển đổi số liệu từ chương trình SIBA sang chương trình mới. Đồng thời ban hành các quy trình hạch toán kế toán với mục đích chuẩn hóa hoạt động kế toán, đơn giản hóa việc ghi nhận chứng từ... góp phần giảm chi phí nhân lực và nâng cao chất lượng quản lý các hoạt động kế toán và thu chi tài chính của Techcombank.



Techcombank Chợ Lớn

DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Doanh số thanh toán Quốc tế (triệu USD)
International Settlement Volume (million USD)



Năm 2003 được ghi nhận là năm mà hoạt động thanh toán của Techcombank đạt được nhiều kết quả tốt nhất từ trước tới nay với doanh thu từ dịch vụ thanh toán quốc tế tăng trên 60%.

Techcombank tự hào là một trong những Ngân hàng đạt chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế tốt nhất tại Việt nam. Ngày 17/04/2004, liên tiếp trong hai năm liền (2002, 2003), Techcombank được The Bank of New York (Mỹ) chứng nhận đã đạt Excellent F.A.S.T (Excellent Fully Automated Straight Through - tạm dịch là đạt tỷ lệ điện chuyển tiền tự động xuất sắc). Trong suốt năm 2003, Techcombank đạt được tỷ lệ điện chuẩn trên 99% cho toàn bộ điện thanh toán quốc tế, giảm thiểu sai sót và thời gian xử lý lệnh chuyển tiền của khách hàng và nhờ vậy chi phí ngân hàng đại lý đã được giảm một cách đáng kể. Chứng nhận này ghi nhận cố gắng lớn lao của Techcombank trong việc nâng chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế lên ngang tầm các ngân hàng hàng đầu trên thế giới.

Mặt khác, hệ thống đại lý của Techcombank vẫn không ngừng được mở rộng, hạn mức tín dụng Techcombank liên tục được tăng thêm. Hiện nay Techcombank có quan hệ đại lý với trên 400 ngân hàng trên toàn thế giới, với gần 8000 chi nhánh trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. L/C của Techcombank được các ngân hàng toàn cầu như Citibank, HSBC, ING BHF, Standard Chartered Bank, Fortis Bank, Natexis Banque Populaire... thông báo và xác nhận.

HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ

Nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh và phát triển thêm mạng lưới, số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) trên toàn Hệ thống liên tục được tăng cường qua công tác tuyển dụng. Tính đến ngày 31/12/2003 tổng số CBNV toàn Hệ thống Techcombank là 466 người tăng so với năm 2002 là 89 CBNV.

Cùng với việc tăng số lượng, chất lượng công tác của mỗi CBNV cũng không ngừng được nâng cao qua các khóa đào tạo về nghiệp vụ. Bên cạnh đó, việc chuẩn hoá Quy trình nghiệp vụ và hiện đại hoá hệ thống tin học của Ngân hàng đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng suất lao động của CBNV.



Khóa học hội thảo của các cán bộ quản lý Techcombank với Trung tâm đào tạo Ngân hàng (BTC)
Training seminar for Techcombank's senior managers conducted by the Bank Training Centre



Bà Nguyễn Thị Thiên Hương, Phó Tổng Giám đốc Techcombank (thứ ba từ trái sang) trao học bổng cho sinh viên xuất sắc trường Đại học Ngoại thương 2003.

Mrs. Nguyen Thi Thien Huong, Vice-President (3rd from left), presenting prizes to outstanding students at the Foreign Trade University in 2003.

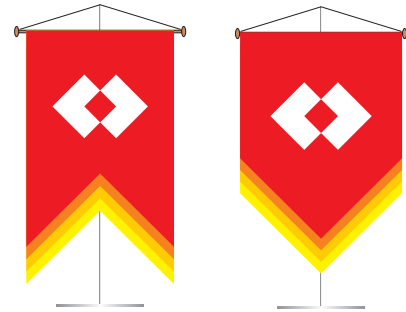
Công tác đào tạo cán bộ năm 2003 của Techcombank

Techcombank's staff training activities in 2003

	Techcombank phối hợp với các Trung tâm đào tạo bên ngoài tổ chức External training		Techcombank tự tổ chức In-house training	
	Kế hoạch Target	Thực hiện Outcome	Kế hoạch Target	Thực hiện Outcome
Số lượt CBNV được tham gia đào tạo trong năm (người)	400	501	120	277
Training course attendances	400	501	120	277
Số giờ bình quân mỗi CBNV được đào tạo trong năm (h/CBNV)	25	26,81	6	8,14
Training hours per employee	25	26.81	6	8.14
Số khóa đào tạo được tổ chức trong năm (khóa)	28	65	5	7
Training courses	28	65	5	7

CÔNG TÁC MARKETING VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Trong năm 2003, hoạt động Marketing của Techcombank đã tập trung vào việc phát triển một số sản phẩm mới trên cơ sở nghiên cứu sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh và thị trường; xây dựng biểu tượng mới; chuyên nghiệp hóa các hoạt động thông tin tuyên truyền, quan hệ đại chúng và công tác chăm sóc khách hàng.



CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Năm 2003, Techcombank đã hoàn thiện và đưa vào phục vụ khách hàng hai loại sản phẩm ngân hàng bán lẻ bao gồm: Sản phẩm hộ kinh doanh cá thể và sản phẩm thẻ thanh toán. Bên cạnh đó là việc phát triển một số sản phẩm dịch vụ giá trị gia tăng như sản phẩm thanh toán Telebank cho doanh nghiệp, sản phẩm gửi một nơi rút nhiều nơi.



XÂY DỰNG BIỂU TƯỢNG MỚI CHO NGÂN HÀNG

Sau hơn 10 năm phát triển và trưởng thành, Ban lãnh đạo Ngân hàng đã quyết định phát triển một biểu tượng mới, thể hiện mong muốn sâu sắc phát triển Techcombank thành một ngân hàng chuyên nghiệp, hiện đại, vững chắc dựa trên sự tin tưởng của các cổ đông, sự đoàn kết của một đội ngũ cán bộ có đầy đủ trình độ, tâm huyết và lòng nhiệt thành trong việc phục vụ khách hàng. Với các ý tưởng đó và sự tham gia của một công ty thiết kế biểu tượng chuyên nghiệp (Haki), một biểu tượng mới đã được Hội đồng quản trị thông qua. Cùng với sự ra đời của biểu tượng mới là một chương trình quản lý biểu tượng có tính chuyên nghiệp cao để bảo đảm việc áp dụng thống nhất hình ảnh của biểu tượng mới trên toàn hệ thống.

CÁC HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN VÀ QUAN HỆ ĐẠI CHÚNG

Việc đưa tin đều đặn, kịp thời về các hoạt động kinh doanh và sự kiện lớn của ngân hàng đã được thực hiện tốt trong năm 2003 với các điểm mốc như lễ kỷ niệm 10 năm thành lập ngân hàng, lễ khai trương phần mềm ngân hàng Globus, thẻ F@stAccess... Hoạt động cập nhật thông tin trên trang chủ www.techcombank.com.vn đã được thực hiện thường xuyên, nhờ đó giúp khách hàng, người quan tâm có thể dễ dàng tìm hiểu về Techcombank.

Công tác truyền thông nội bộ của Techcombank tiếp tục được quan tâm chú ý. Bản tin nội bộ hàng quý đã có nhiều cải tiến về nội dung và hình thức để nhằm đạt được mục tiêu phản ánh trung thực và kịp thời mọi mặt hoạt động của Ngân hàng, định hướng của Ban lãnh đạo, các tấm gương điển hình trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị và cá nhân.



Khánh thành dự án hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng
Inauguration ceremony of the Globus core banking system

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC – HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Trong những năm qua, bên cạnh việc tự nỗ lực không ngừng đổi mới, cải tổ cơ cấu quy trình, bộ máy tổ chức, Techcombank cũng đã nhận được sự trợ giúp về kỹ thuật (technical assistance) của các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Điển hình là dự án GTZ-SBV (German Technical Cooperation - State Bank Vietnamese) cung cấp các chuyên gia quốc tế có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm nhiều năm của ngân hàng Goldman Sachs (Đức), giúp Techcombank từng bước xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ hoạt động một cách có hiệu quả hơn, đi dần tới chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, tham gia dự án của Văn phòng Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh ở Việt nam (do Usaid tài trợ) đã mang lại cho Techcombank những ý kiến đóng góp hết sức quý báu về hiện trạng hệ thống IT của Techcombank như phần cứng, phần mềm đang sử dụng, nhân sự, kế hoạch đầu tư cho hệ thống điện toán trong tương lai và việc khai thác sử dụng phần mềm Globus trong việc phát triển sản phẩm của Techcombank. Ngoài ra, dự án của Chương trình hợp tác về quản lý của Hà Lan (Netherlands Management Cooperation Programme NMCP) với chuyên gia quốc tế nhiều năm kinh nghiệm quản lý của ngân hàng ABN - AMRO đã đóng góp cho Techcombank nhiều nội dung thiết thực như xây dựng chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, marketing, cho vay doanh nghiệp, ngoài ra còn một số dự án hợp tác quốc tế khác đang trong quá trình triển khai...

Tất cả những dự án hợp tác kỹ thuật trên đã và đang hướng tới đích phát triển, đưa Techcombank thành ngân hàng đa năng hiện đại trong thời gian tới và trở thành một ngân hàng TMCP được công chúng ưa chuộng nhất về chất lượng dịch vụ.



Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Đức Thuý tới thăm Techcombank Đà Nẵng
Governor of State Bank of Vietnam Le Duc Thuy visited Techcombank Da nang

THAM GIA VÀO DỰ ÁN TÀI CHÍNH DO WORLD BANK TÀI TRỢ

Trong năm 2003, Techcombank được lựa chọn cùng với 12 ngân hàng gồm Ngân hàng NN&PT Nông thôn và 11 ngân hàng thương mại cổ phần tham gia chương trình tài chính nông thôn do ngân hàng Thế giới tài trợ với tổng trị giá dự án 200 triệu USD thông qua ngân hàng đầu mối là ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Techcombank được lựa chọn ngay từ đợt 1 của Dự án, với hạn mức được cấp là 34 tỷ VND. Tính cho đến hết năm 2003, Techcombank đã giải ngân được toàn bộ hạn mức qua 7 lần rút vốn cho hơn 100 tiểu dự án 07 tỉnh và thành phố gồm Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hà Giang, Hưng Yên, Hoà Bình và Tp. Hồ Chí Minh.

Việc được lựa chọn tham gia các dự án tài chính quốc tế đã từng bước khẳng định uy tín của Techcombank đối với các định chế, tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, đồng thời cũng là những thách thức to lớn đối với Techcombank trong quá trình cải cách, đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động nhằm thích ứng với sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Trong xu hướng hội nhập, phát triển tích cực của nền kinh tế Việt Nam. Với chính sách tài chính tiền tệ đang ngày càng được cải thiện, kích thích đầu tư phục vụ tăng trưởng, mục tiêu của Techcombank 2004 là:

I CÁC CHỈ SỐ KINH DOANH CƠ BẢN

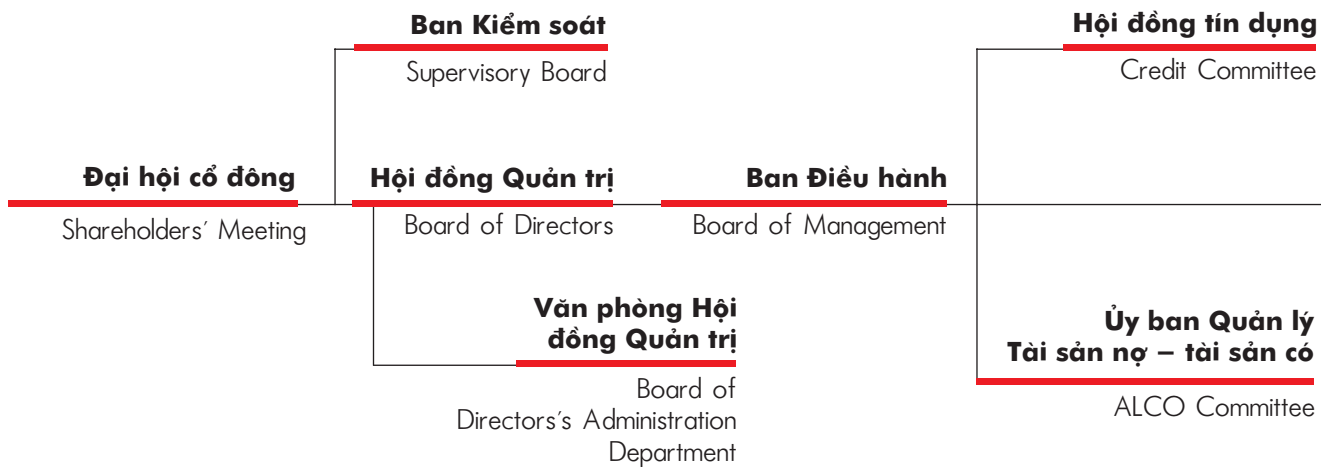
- ▶ **Vốn điều lệ đạt 300 tỷ đồng**
- ▶ **Tổng tài sản đạt 6800–7000 tỷ đồng**
- ▶ **Dư nợ tín dụng đạt: 2900–3000 tỷ đồng, trong đó nợ quá hạn dưới 3%**
- ▶ **Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng: 100 tỷ đồng**
- ▶ **Lợi nhuận trước thuế: 70 tỷ đồng**
- ▶ **Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) dự kiến: 20%–22%**
- ▶ **Thu nhập từ hoạt động dịch vụ: 35 tỷ đồng**
- ▶ **Mạng lưới hoạt động: gồm 20 chi nhánh và 5 Phòng giao dịch**



CƠ CẤU QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG | CORPORATE GOVERNANCE

Sơ đồ tổ chức

Organisational chart



Trung tâm Thẻ Card Centre	<ul style="list-style-type: none"> Phòng Phát triển Hệ thống Thẻ Card System Development Department Phòng Dịch vụ Thẻ Card Service Department 	
Phòng Thông tin Điện toán IT Department		
Trung tâm thanh toán và Ngân hàng Đại lý Operations & International banking Centre	<ul style="list-style-type: none"> Phòng Thanh toán Quốc tế và Ngân hàng Đại lý International Settlement and Correspondent Banking Department Phòng Thanh toán trong nước và Kiểm soát Giao dịch Ngoại hối tiền tệ Domestic Settlement and Treasury Back Office Department 	<ul style="list-style-type: none"> Techcombank Tân Bình Techcombank Chợ Lớn Techcombank Trương Định Techcombank Phú Mỹ Hưng
Phòng Quản lý Nguồn vốn Giao dịch tiền tệ và Ngoại hối Treasury Department		<ul style="list-style-type: none"> TECHCOMBANK Hồ Chí Minh TECHCOMBANK Đà Nẵng
Phòng Tiếp thị, Phát triển Sản phẩm và Chăm sóc khách hàng Marketing Department		<ul style="list-style-type: none"> TECHCOMBANK Hải Phòng TECHCOMBANK Nội Bài
Phòng Kiểm soát Nội bộ Internal Audit & Control Department		<ul style="list-style-type: none"> TECHCOMBANK Chương Dương
Phòng Kế toán tài chính Finance & Accounting Department		<ul style="list-style-type: none"> TECHCOMBANK Thăng Long
Văn phòng Administration Department		<ul style="list-style-type: none"> TECHCOMBANK Hoàn Kiếm
Phòng Kế hoạch Tổng hợp Corporate Planning Department		<ul style="list-style-type: none"> Ban Kiểm soát và Hỗ trợ kinh doanh Business Support & Administration Section
Phòng Quản lý Tín dụng Credit Management Department		<ul style="list-style-type: none"> Trung tâm Kinh doanh Business Centre Phòng Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp Corporate Banking Department
Phòng Quản lý Nhân sự Human Resources Department		<ul style="list-style-type: none"> Phòng Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ Retail Banking Department
Ban Quản lý chất lượng Quality Management Section		<ul style="list-style-type: none"> Kế toán giao dịch và Kho quỹ Tellers Department



Đại hội cổ đông 2004
Shareholders' meeting 2004



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Cổ đông là Các doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cổ phần và Công ty TNHH chiếm 11,54% vốn điều lệ. Cổ đông là thể nhân chiếm 88,46% vốn điều lệ.

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng có quyền quyết định về chiến lược phát triển của Ngân hàng và bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Đại Hội đồng cổ đông tiến hành định kỳ hàng năm và có thể tổ chức bất thường giữa hai kỳ đại hội thường niên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị có 8 thành viên, thường trực Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch thứ nhất và 3 Phó Chủ tịch.

Hội đồng Quản trị là cơ quan Quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Kiểm soát có 3 thành viên: Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Kiểm soát viên chuyên trách, 1 Kiểm soát viên chuyên trách và 1 Kiểm soát viên.

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | BOARD OF DIRECTORS

Dr. LÊ KIẾN THÀNH
Chủ tịch - Chairman



Sinh ngày: 23/5/1955 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Vật lý, được cấp bằng tại Viện nghiên cứu hạt nhân Dubna (Liên Xô cũ)
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Nga, Tiếng Anh

Born on 23rd May, 1955 in Hanoi
Education: Dr. of Physics, Dubna Nuclear Research Institute (former Soviet Union)
Foreign languages: Russian, English

Ông Lê Kiến Thành là cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Kỹ thương Việt Nam từ năm 1993. Năm 1995, ông Lê Kiến Thành được bầu vào Hội đồng Quản trị (HDQT) và giữ chức vụ Phó Chủ tịch. Đến nhiệm kỳ 1997-2000 ông Thành được bầu làm Chủ tịch và được tái cử chức vụ Chủ tịch nhiệm kỳ 200-2003. Nhiệm kỳ 2003-2006, ông Thành tiếp tục được tái cử chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
Ông Lê Kiến Thành hiện đang giữ các chức vụ:
- Giám đốc Công ty TNHH Thiên Minh
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Kim Sơn
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Thái Minh

Mr. Le Kien Thanh has been a shareholder at Techcombank since 1993. He was elected to the Board of Directors in 1995 as Vice Chairman. He was Chairman for the terms 1997-2000, 2000-2003 and has been re-elected Chairman for the terms 2003-2006.
Currently, Dr. Thanh holds the following positions:
- Director, Thien Minh Co., Ltd.
- Chairman, Board of Directors of Kim Son Co., Ltd.
- Chairman, Board of Directors of Thai Minh Co., Ltd.

Ms. NGUYỄN THỊ NGÀ
Phó Chủ tịch thứ nhất
First Vice Chairwoman



Sinh ngày: 17/8/1955 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Born on 17th August, 1955 in Hanoi
Education: Bachelor, Economics
Foreign language: English

Bà Nguyễn Thị Nga là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 2000. Năm 2002, bà Nga được bầu vào HĐQT và giữ chức vụ Phó Chủ tịch. Đến nhiệm kỳ 2003-2006 bà được bầu làm Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank. Bà Nguyễn Thị Nga hiện đang giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thung lũng Vua (Sân golf Quốc tế Đào Vua, Đông Mô, Sơn Tây, Hà Tây).

Ms. Nguyen Thi Nga has been a shareholder at Techcombank since 2000. Ms. Nga was elected to the Board of Directors in 2002 as Vice Chairwoman. She has been re-elected to the Board of Directors for the terms 2003-2006 as the First Vice Chairwoman. Mrs. Nga is currently Chairwoman and General Director of Kings Valley Corporation Ltd. (Kings- Island International Golf Course, Dong Mo, Son Tay, Ha Tay Province).

Ms. TẠ THỊ NGỌC MỸ
Phó Chủ tịch - Vice Chairwoman



Sinh ngày: 22/2/1952 tại Thanh Hoá
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Đức

Born on 22nd, February, 1952 in Thanh Hoa
Education: Bachelor, Mechanical Engineering
Foreign language: German

Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ là cổ đông sáng lập của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Từ năm 1994 đến 1999 giữ các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Trợ lý Tổng Giám đốc và Phó Giám đốc Chi nhánh Techcombank thành phố Hồ Chí Minh. Tại nhiệm kỳ 2000-2003, Bà Mỹ được bầu vào Hội đồng Quản trị, giữ chức vụ Ủy viên thường trực. Nhiệm kỳ 2003-2006 Bà Mỹ được bầu làm Phó chủ tịch HĐQT.
Hiện nay bà Tạ Thị Ngọc Mỹ là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Đa.

Ms. Ta Thi Ngoc My was a co-founder of Techcombank. She was Techcombank's Deputy General Director, Assistant to the General Director and Deputy Director of Techcombank Ho Chi Minh. For the terms 2000-2003, she was elected to the Board of Directors as a Standing Member. Ms. My was re-elected to the Board of Directors as Vice Chairwoman for the terms 2003-2006.
Ms. Ta Thi Ngoc My is currently Chairwoman and General Director of Tan Da Joint Stock Company.

Mr. NGUYỄN THIỆU QUANG
Phó Chủ tịch - Vice Chairman



Sinh ngày: 28/8/1959 tại Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công trình ngầm.
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Nga

Born on 28th, August, 1959 in Ha Tinh
Education: Bachelor, Underground Engineering
Foreign language: Russian

Ông Nguyễn Thiệu Quang là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 1993. Năm 1999, ông được bầu vào HĐQT, giữ chức vụ Ủy viên thường trực. Nhiệm kỳ 2000-2003 ông Quang tiếp tục được bầu vào HĐQT. Nhiệm kỳ 2003-2006 ông Quang được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Mr. Nguyen Thieu Quang has been a shareholder of Techcombank since 1993. Mr. Quang was elected to the Board of Directors as a Standing Member in 1999 and re-elected for the terms 2000-2003. In 2003, Mr. Quang was re-elected to the Board of Directors as Vice Chairman for the terms 2003-2006.

Mr. LÊ CẢNH TIẾN
Phó Chủ tịch - Vice Chairman

Sinh ngày: 29/1/1949 tại Tuyên Quang
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Born on 29th, January 1949 in Tuyên Quang
Education: Bachelor, Economics
Foreign language: English



Ông Lê Cảnh Tiến là đại diện của cổ đông pháp nhân-Tổng Công ty Hàng không Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Sau khi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam góp vốn vào Techcombank, ông Lê Cảnh Tiến được bầu vào HĐQT, giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2000-2003, và nhiệm kỳ 2003-2006 ông Tiến được tái cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lê Cảnh Tiến hiện là Trưởng Trung tâm Thống kê tin học Hàng không, Tổng công ty Hàng không Việt Nam

Mr. Le Canh Tien represents an institutional shareholder, Vietnam Airlines, at Techcombank. Upon Vietnam Airlines' investment in Techcombank, Mr. Tien was elected to the Board of Directors as its Vice Chairman for the terms 2000-2003 and re-elected Vice Chairman for the terms 2003-2006.

Mr. Tien is currently Director of the Statistical Information Centre of Vietnam Airlines Corp.

Dr. HOÀNG VĂN ĐẠO
Ủy viên - Member

Sinh ngày: 27/10/1955 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn:
Tiến sĩ khoa học kỹ thuật
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Nga, Tiếng Anh

Born on 27th, October 1955 in Nam Dinh
Education: Doctor of Science
Foreign languages: Russian, English



Ông Hoàng Văn Đạo là cổ đông sáng lập của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Từ năm 1996 đến tháng 1/1999 ông Đạo giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Tại đại hội cổ đông thường niên năm 1999, ông Đạo được bầu vào Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ 2000-2003 và 2003-2006 ông Đạo tiếp tục được bầu làm Ủy viên Hội đồng Quản trị.

Dr. Hoang Van Dao was a co-founder of Techcombank. Dr. Dao was Deputy General Director in 1996-1999. He was elected to the Board of Directors in 1999 and re-elected for the terms 2000-2003 and 2003-2006 as a Member.

Mr. ĐẶNG THIÊN TÂN
Ủy viên - Member

Sinh ngày: 09/4/1961 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Born on 09th, April 1961 in Hanoi
Education: Bachelor, Civil Engineering
Foreign language: English



Ông Đặng Thiên Tân là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 1999. Tại Đại hội cổ đông năm 2000, ông Tân được bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2000-2003. Nhiệm kỳ 2003-2006 ông Tân tiếp tục được bầu làm Ủy viên Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Thiên Tân hiện là Giám đốc Công ty Thương mại, Xây dựng và Du lịch T.C.T.

Mr. Dang Thien Tan has been a Techcombank shareholder since 1999 and was elected to the Board of Directors for the terms 2000-2003 and re-elected for the terms 2003-2006 as a Member.

Mr. Tan is currently Director of T.C.T Group.

Mr. HỒ HÙNG ANH
Ủy viên - Member

Sinh ngày: 08/06/1970 tại Quảng Thuận
Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Nga, tiếng Anh

Born on 08th, June, 1970 in Thừa Thiên Huế
Education: Bachelor, Electronics
Foreign languages: Russian, English



Ông Hồ Hùng Anh là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 1995. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2004, ông Hùng Anh được bầu bổ sung vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2003-2006, giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị.

Hiện nay, ông Hồ Hùng Anh là Phó chủ tịch tập đoàn Masan, Phó Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần đầu tư Masan, Tổng Giám đốc Masan-Rus Trading tại Cộng hòa Liên bang Nga.

Mr. Ho Hung Anh has been a Techcombank shareholder since 1995 and was elected to the Board of Directors at the 2004 Shareholders' Meeting for the terms 2004-2006 as a Member.

Mr. Anh currently is Vice-Chairman of Masan Group, Vice-Chairman of Masan joint stock investment company, and CEO of Masan-Rus Trading in Russia.

BAN KIỂM SOÁT | SUPERVISORY BOARD

Ms. KHÚC THỊ QUỲNH LÂM
 Trưởng ban Kiểm soát
 Chief of Supervisory Board

Sinh ngày: 14/10/1973 tại Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
 Trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh

Born on 14th October, 1973 in Hanoi
 Education: Bachelor of Laws
 Foreign language: English



Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 2001. Bà được Đại hội đồng Cổ đông năm 2003 nhất trí bầu vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2003-2006.

Ms. Khuc Thi Quynh Lam has been a shareholder of Techcombank since 2001. Ms. Lam was elected to the Supervisory Board for the terms 2003-2006 at the Shareholders' Meeting in 2003.

Mr. PHẠM XUÂN ĐÌNH
 Kiểm soát viên chuyên trách
 Member of Supervisory Board

Sinh ngày: 28/08/1974 tại Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Born on 28th August, 1974 in Hanoi
 Education: Bachelor, Economics
 Foreign language: English



Ông Phạm Xuân Đình là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Năm 2003, ông Đình được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí bầu vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2003-2006.

Mr. Pham Xuan Dinh has been a shareholder of Techcombank. Mr. Dinh was elected to the Supervisory Board for the terms 2003-2006 at the Shareholders' Meeting in 2003.

Dr. NGUYỄN VĂN ĐỨC
 Kiểm soát viên
 Member of Supervisory Board

Sinh ngày: 13/02/1948 tại Bắc Giang
 Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ ngành
 Điều khiển Tự động.
 Đại học Bách khoa Odessa (Ukraine).
 Trình độ ngoại ngữ: tiếng Nga

Born on 13th February, 1948 in Bac Giang
 Education: Doctor of Automatics,
 Odessa University (Ukraine).
 Foreign language: Russian



Ông Nguyễn Văn Đức là cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam từ năm 1993. Ông Đức được Đại hội đồng Cổ đông năm 2003 nhất trí bầu vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2003-2006.

Mr. Nguyen Van Duc has been a shareholder of Techcombank since 1993. Dr. Duc was elected to the Supervisory Board for the terms 2003-2006 at the Shareholders' Meeting in 2003.

BAN ĐIỀU HÀNH | BOARD OF MANAGEMENT **TECHCOMBANK**

Mr. NGUYỄN ĐỨC VINH Tổng Giám Đốc Chief Executive Officer (CEO)

Sinh ngày: 16/9/1958 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh MBA
Trình độ ngoại ngữ: thông thạo tiếng Pháp, tiếng Anh

Born 16th September, 1958 in Hanoi
Education: MBA in France and USA
Foreign languages: French, English



Ông Nguyễn Đức Vinh đã từng công tác tại Tổng công ty Hàng Không Việt Nam (Vietnam Airlines). Sau khi TCT Hàng Không góp vốn vào Techcombank, Hội đồng Quản trị Techcombank đã bổ nhiệm ông Vinh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Đến tháng 12/2000, ông Vinh được HĐQT Techcombank bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Techcombank.

Mr. Nguyen Duc Vinh worked at Vietnam Airlines from 1984 to 1999. Upon Vietnam Airlines' investment in Techcombank, Mr. Vinh was appointed Vice-President of the Bank by the Board of Directors. Mr. Vinh was appointed Chief Executive Officer of the Bank by the Board of Directors in December, 2000.

Ms. NGUYỄN THỊ TÍCH Phó Tổng Giám Đốc Vice-President

Sinh ngày: 07/06/1950 tại Phú Thọ
Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học, chuyên ngành Kế toán ngân hàng.

Born: 07th June, 1950 in Phu Tho
Education: Bachelor in Accounting, specialization Accounting in Banking.



Bà Nguyễn Thị Tích vào làm việc tại Techcombank từ năm 1997, giữ các chức danh Phó phòng Kế toán tài chính Hội sở, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thăng Long. Đến tháng 7/1998 được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Đến tháng 7/1999 bà Tích được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám đốc cho đến nay.

Ms. Nguyen Thi Tich has worked for Techcombank since 1997 as Deputy Head of the Head Office Finance and Accounting Department, and Deputy Director and Director of Thang Long Branch. Ms. Tich was appointed Techcombank's General Director by the Board of Directors in July, 1998. She was appointed Techcombank's Vice-President in July 1999.

Ms. NGUYỄN THIÊN HƯƠNG Phó Tổng Giám Đốc Vice-President

Sinh ngày: 11/8/1961 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá Mendeleev Matxcova, Cử nhân kinh tế.
Trình độ ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Anh.

Born 11th August, 1961 in Hanoi
Education: Bachelor in Science (Chemistry)-Mendeleev Institute (Moscow), Bachelor in Economics.
Foreign language: Russian, English



Bà Nguyễn Thị Thiên Hương vào công tác tại Techcombank từ tháng 9/1995, đã từng giữ các chức vụ Phụ trách phòng dự án và đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng tín dụng Hội sở và đến tháng 2/2001, Bà Thiên Hương được Hội đồng Quản trị Techcombank bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Ms. Thien Huong joined Techcombank in September 1995 and has held various positions such as Acting Director of the Projects and Securities Investment Department, and Director of the Credit Department at Head Office. She was appointed Techcombank's Vice-President by the Board of Directors in February, 2001.

DANH SÁCH TRƯỞNG PHÒNG BAN HỘI SỞ, BAN GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

Trung tâm Thanh toán và Ngân hàng Đại lý
– Operations & International Banking Centre
Mr. Đặng Bảo Khánh
Trưởng trung tâm – Director

Phòng Thông tin Điện toán – IT Department
Mr. Lê Xuân Vũ
Trưởng phòng – Director

Phòng Quản lý nguồn vốn và
Giao dịch tiền tệ, ngoại hối
– Treasury Department
Mr. Phan Đức Trung
Trưởng phòng – Director

Phòng Tiếp thị, Phát triển sản phẩm và
Chăm sóc khách hàng – Marketing Department
Mr. Lê Đình Tuấn
Quyền Trưởng phòng – Acting Director

Phòng Kiểm soát nội bộ –
International Audit & Control Department
Mr. Đỗ Kim Ngọc
Phó phòng – Deputy Director

Phòng Kế toán tài chính –
Accounting & Finance Department
Ms. Nguyễn Thị Vân
Kế toán trưởng – Chief Accountant

Phòng Kế toán tài chính –
Accounting & Finance Department
Ms. Nguyễn Thị Sâm
Chánh Văn phòng – Director

Phòng Kế hoạch tổng hợp –
Corporate Planning Department
Mr. Phạm Quang Thắng
Trưởng phòng – Director

Phòng Quản Tin dụng –
Credit Management Department
Ms. Vũ Hồng Thanh
Quyền Trưởng phòng – Auditing Director

Phòng Quản lý nhân sự và Đào tạo –
Human Resources Department
Mr. Nguyễn Xuân Thanh
Quyền Trưởng phòng – Auditing Director



List of Director of Branches and Head Office Department

Văn phòng Hội đồng Quản trị –
The Board of Directors' Administration Department
Mr. Vũ Đình Khoán
Chánh văn phòng – Director

TRUNG TÂM KINH DOANH – BUSINESS CENTRE
Ms. Nguyễn Thị Tâm
Giám đốc – Director

Mr. Đoàn Quang Đại
Phó Giám đốc – Deputy Director

TRUNG TÂM THẺ
– CARD CENTRE
Mr. Đinh Việt Cường
Giám đốc – Director

TECHCOMBANK THĂNG LONG
THANG LONG BRANCH
Ms. Tô Thị Ngọc Loan
Giám đốc – Director

TECHCOMBANK HOÀN KIẾM
HOAN KIEM BRANCH
Mr. Cao Minh Hiến
Giám đốc – Director

Mr. Nguyễn Minh đạo
Phó Giám đốc – Deputy Director

TECHCOMBANK CHUONG DUONG
CHUONG DUONG BRANCH
Mr. Nguyễn Cảnh Vinh
Quyền Giám đốc – Auditing Director

TECHCOMBANK ĐỒNG ĐA – DONG DA BRANCH
Mr. Nguyễn Hưng
Giám đốc – Director

Ms. Vũ Thị Hạnh
Phó Giám đốc – Deputy Director

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
– HAI PHONG BRANCH
Mr. Phạm Thế Hiệp
Giám đốc – Director

TECHCOMBANK ĐÀ NẴNG – DA NANG BRANCH
Mr. Trần Xê
Giám đốc – Director

Mrs. Dương Bích Hằng
Phó Giám đốc – Deputy Director

TECHCOMBANK THANH KHÊ – THANH KHE BRANCH
Mr. Hồ Văn Thanh
Quyền Giám đốc – Auditing Director

TECHCOMBANK HỒ CHÍ MINH
– HO CHI MINH BRANCH
Mr. Bùi Trung Dũng
Giám đốc – Director

Ms. Nguyễn Đoàn Duy Ái
Phó Giám đốc – Deputy Director

TECHCOMBANK TÂN BÌNH – TAN BINH BRANCH
Mr. Khúc Văn Họa
Giám đốc – Director

Mr. Nguyễn Minh Tâm
Phó Giám đốc – Deputy Director

TECHCOMBANK CHỢ LỚN – CHO LON BRANCH
Mr. Lương Hữu Lâm
Giám đốc – Director

Mr. Trương Văn Huỳnh
Phó Giám đốc – Deputy Director

TECHCOMBANK KHÂM THIÊN
– KHAM THIEN BRANCH
Mr. Lê Văn Minh
Trưởng phòng – Director

TECHCOMBANK NGỌC KHÁNH
– NGOC KHANH BRANCH
Ms. Phạm Thanh Huyền
Trưởng phòng – Director

TECHCOMBANK TRƯƠNG ĐỊNH
– TRUONG DINH BRANCH
Mr. Nguyễn Đăng Khoa
Trưởng phòng – Director



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ("Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2003, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và trong báo cáo kiểm toán ngày 4 tháng 3 năm 2003 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về các báo cáo đó.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

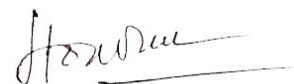
Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2003, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và theo các nguyên tắc kế toán và tài chính có liên quan do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2004



John T. Ditty
Phó Tổng Giám Đốc
Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.0555/KTV



Võ Tấn Hoàng Văn
Kiểm toán viên phụ trách
Công ty Ernst & Young Việt Nam
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký 0264/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

	2002	2003
TÀI SẢN		
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	63.220	114.278
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	59.390	74.385
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng khác	45.176	49.549
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng	1.839.179	2.208.317
Đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu và công trái	107.714	744.626
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.896.318	2.296.506
Dự phòng nợ khó đòi	(37.857)	(83.168)
Đầu tư, góp vốn liên kết liên doanh	8.815	8.015
Tài sản cố định hữu hình	31.955	38.353
Xây dựng dở dang	12.560	7.428
Tài sản cố định vô hình	1.397	13.087
Lãi dự thu	18.127	29.800
Các tài sản khác	13.830	9.254
Tổng tài sản	4.059.824	5.510.430
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG		
NỢ PHẢI TRẢ		
Tiền gửi thanh toán của các ngân hàng khác	512.023	82.297
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng	1.306.948	2.496.689
Tiền gửi của khách hàng	2.024.563	2.619.620
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay trích trước	45.619	53.217
Vốn góp chờ được phê duyệt	-	14.400
Thuế và các khoản phải trả khác	39.693	35.332
Tổng nợ phải trả	3.928.846	5.301.555
VỐN CỔ ĐÔNG		
Vốn điều lệ	117.870	180.000
Vốn khác	4	4
Các quỹ dự trữ	7.762	9.252
Lợi nhuận để lại	5.342	19.619
Tổng vốn cổ đông	130.978	208.875
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG	4.059.824	5.510.430
CÁC KHOẢN MỤC CẦN GHI NHỚ	1.485.052	3.485.883

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

	2002	2003
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu lãi tiền gửi và cho vay	282.195	347.096
Chi phí trả lãi tiền vay và huy động vốn	<u>(214.761)</u>	<u>(236.120)</u>
THU NHẬP TỪ LÃI TIỀN GỬI VÀ CHO VAY	67.434	110.976
Thu từ các khoản phí và dịch vụ	22.536	31.683
Chi trả phí và dịch vụ	(7.113)	(6.691)
Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	6.345	1.902
Chi cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ	-	(729)
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư	385	157
Thu nhập khác	153	5.394
THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	89.740	142.692
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
Chi phí nhân viên	(16.953)	(24.421)
Chi phí khấu hao	(2.264)	(2.946)
Các chi phí hoạt động khác	<u>(18.222)</u>	<u>(25.253)</u>
	(37.439)	(52.620)
Dự phòng nợ khó đòi	(46.959)	(47.899)
Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	-	-
	(46.959)	(47.899)
LỢI NHUẬN THUẦN TRƯỚC THUẾ	5.342	42.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(11.734)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM	5.342	30.438
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	5.874	5.342
Lợi nhuận để lại trước khi phân bổ	11.216	35.780
Cộng: Điều chỉnh năm trước theo quyết toán thuế	9.588	-
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quyết toán thuế	(4.865)	(3.238)
Trừ: Trích lập các quỹ theo quy định		
- từ lợi nhuận của năm trước	(3.016)	(1.980)
- từ lợi nhuận của năm nay	-	(1.495)
Trừ: Chia lãi cổ đông	(7.001)	(9.212)
Các khoản giảm trừ khác	(580)	(236)
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM	5.342	19.619

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

	2002	2003
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận thuần trước thuế	5.342	42.172
Điều chỉnh cho các khoản:		
Chi phí khấu hao	2.264	2.946
Dự phòng nợ khó đòi	46.959	47.899
Nợ khó đòi được xoá trong năm	(26.605)	(2.588)
Cổ tức nhận được trong năm	(385)	(157)
Lợi nhuận hoạt động trước khi thay đổi vốn lưu động (Tăng)/Giảm tài sản hoạt động	27.575	90.272
Dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(645)	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	(1.023.129)	(192.423)
Đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu và công trái	(57.913)	(636.912)
Cho vay và tạm ứng khách hàng	(540.282)	(400.189)
Lãi dự thu	(13.126)	(11.673)
Các tài sản khác	(10.054)	4.575
Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động		
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng	1.060.623	267.878
Tiền gửi của khách hàng	513.743	595.056
Chi phí lãi dự chi	14.855	7.599
Thuế và các khoản phải trả khác	75.115	(12.780)
Điều chỉnh năm trước	-	(236)
	46.762	(288.833)
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trong năm	(2.697)	(5.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	44.065	(294.585)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Chi xây dựng dở dang và mua sắm tài sản cố định	(4.086)	(15.938)
Thu do thanh lý tài sản cố định	-	37
Tăng đầu tư vào các đơn vị khác	(180)	-
Cổ tức nhận được trong năm	385	157
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.881)	(15.744)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

	2002	2003
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Vốn góp tăng trong năm	15.162	60.795
Vốn đăng ký mới chưa được duyệt	-	14.400
Sử dụng các quỹ	(3.518)	(1.160)
Trả cổ tức	(7.001)	(9.212)
Lãi phát hành cổ phiếu mới	-	510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	4.643	65.333
Tăng (Giảm) thuần của tiền và các khoản tương đương	44.827	(244.996)
Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương	122.959	167.786
Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương	167.786	(77.210)

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

1. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

CHỈ TIÊU	2002	2003
I. TỔNG SỐ CÁN BỘ, CNV	377	466
II. THU NHẬP CỦA CÁN BỘ		
1. Tổng quỹ lương	15.370	22.248
2. Tiền thưởng	-	-
3. Tổng thu nhập (1+2)	15.370	22.248
4. Tiền lương bình quân tháng	3.40	3.98
5. Thu nhập bình quân tháng	3.40	3.98

2. TÌNH HÌNH NỢ QUÁ HẠN

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Thay đổi nợ trong năm		Số dư cuối kỳ
		Nợ	Có	
I. TỔNG DƯ NỢ	2.103.303	8.570.695	8.293.898	2.380.100
II. CÁC KHOẢN NỢ QUÁ HẠN				
1. Nợ quá hạn dưới 180 ngày	32.705	104.007	114.157	22.713
2. Nợ quá hạn từ 180 ngày đến 360 ngày	2	10.692	6.785	3.909
3. Nợ khó đòi	63.564	169.453	171.660	60.881
IV. TỶ LỆ NỢ QUÁ HẠN TRƯỚC DỰ PHÒNG	4,58%			3,68%
V. DỰ PHÒNG TÍN DỤNG	37.857	25.787	71.098	83.168
VI. TỶ LỆ NỢ QUÁ HẠN SAU DỰ PHÒNG	2,78%			0,2%

3. TIỀN MẶT VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI QUỸ

	2002	2003
Tiền mặt tại quỹ bằng đồng Việt Nam	11.326	28.405
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ và các chứng từ có giá	43.381	82.689
Vàng	8.513	3.184
Tổng	63.220	114.278

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	2002	2003
Tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNNVN	18.281	39.201
Tiền gửi thanh toán tại NHNNVN	41.109	35.184
Tổng	59.390	74.385

Tiền gửi thanh toán bao gồm tiền gửi thanh toán bù trừ và thanh toán khác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tiền gửi thanh toán bằng đồng Việt Nam được hưởng lãi suất 1,20% một năm và 1,00% một năm cho tiền gửi bằng Đô la Mỹ.

Theo qui định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định với NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam cho kỳ hạn dưới 12 tháng, 4,00% tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ cho kỳ hạn dưới 12 tháng và 1,00% tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ cho kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đây là khoản dự trữ bắt buộc phải gửi tại Ngân hàng Nhà nước và không được hưởng lãi.

5. TIỀN GỬI THANH TOÁN TẠI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC

	2002	2003
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	27.527	26.015
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng trong nước bằng ĐVN	6.639	5.702
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng trong nước bằng ngoại tệ	11.010	17.832
Tổng	45.176	49.549

6. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	2002	2003
Tiền gửi có kỳ hạn với ngân hàng nước ngoài	15.368	15.608
Tiền gửi có kỳ hạn với ngân hàng trong nước bằng ngoại tệ	357.446	1.190.971
Tiền gửi có kỳ hạn với ngân hàng trong nước bằng ĐVN	1.259.380	918.144
Tham gia đồng tài trợ bằng ĐVN	37.676	-
Tham gia đồng tài trợ bằng ngoại tệ	32.251	-
Cho vay ủy thác	39.058	19.728
Cho vay các tổ chức tài chính bằng ĐVN	-	15.000
Cho vay các tổ chức bằng đồng ngoại tệ	-	29.866
Cho vay các tổ chức tín dụng bằng ĐVN	98.000	19.000
Tổng	1.839.179	2.208.317

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại các ngân hàng trong nước chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đô la Mỹ. Các khoản tiền gửi này có thời hạn dưới 12 tháng và được hưởng lãi từ 0,70% tới 2,40% một năm.

Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng trong nước có lãi suất từ 6,24 tới 8,60% một năm, tùy theo thời hạn gửi.

Cho vay ủy thác thể hiện số tiền mà Ngân hàng chuyển cho các ngân hàng khác và yêu cầu các ngân hàng cho một số khách hàng vay theo chỉ định của Ngân hàng. Các khoản cho vay ủy thác này có lãi suất từ 7,56% đến 10,32% một năm đối với cho vay bằng đồng Việt Nam và từ 2,90% đến 5,50% một năm đối với cho vay bằng Đô la Mỹ.

7. ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU, TÍN PHIẾU VÀ CÔNG TRÁI

	2002	2003
Đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu và công trái giữ đến ngày đáo hạn:		
Đầu tư vào trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	-	318.547
Đầu tư vào kỳ phiếu NH Nhà đồng bằng sông Cửu Long	-	22.000
Đầu tư vào trái phiếu NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	46.980	257.714
Đầu tư vào kỳ phiếu của NH Ngoại thương Việt Nam	-	78.040
Đầu tư vào tín phiếu của NH Nhà nước Việt Nam	-	1.429
Đầu tư vào trái phiếu Chính phủ	47.484	1.926
Đầu tư vào trái phiếu Quỹ hỗ trợ phát triển	-	49.100
Đầu tư vào chứng khoán của Công ty cho thuê tài chính	10.000	-
Đầu tư vào các trái phiếu của công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện	-	10.000
Đầu tư vào trái phiếu kho bạc khác	3.250	5.870
Tổng	107.714	744.626

Các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi bằng đồng Việt Nam có thời hạn từ 2 năm đến 5 năm có lãi suất là 7,80% đến 8,40% một năm, trả lãi trước hàng năm. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi này đến khi đáo hạn.

Kỳ phiếu của Ngân hàng Nhà đồng bằng sông Cửu Long là kỳ phiếu bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn một năm với lãi suất 7,80% một năm, trả vào ngày đáo hạn. Ngân hàng dự định giữ các kỳ phiếu này đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam là trái phiếu 5 năm bằng đồng Việt Nam, có lãi suất 2,20% một năm, trả trước hàng năm. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này đến khi đáo hạn.

Kỳ phiếu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là kỳ phiếu 1 năm bằng ngoại tệ và có lãi suất 2,40% một năm, trả trước hàng năm. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này đến khi đáo hạn.

Đầu tư vào trái phiếu Chính phủ là những khoản đầu tư thời hạn 10 năm có lãi suất là 9,15% một năm, trả lãi hàng năm. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này đến khi đáo hạn.

Trái phiếu Chính phủ bằng đồng Việt Nam là trái phiếu 5 năm có lãi suất từ 8,00% đến 10,00% một năm, trả sau hàng năm. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này đến khi đáo hạn.

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

Trái phiếu của Quỹ Hỗ trợ phát triển là trái phiếu đô thị bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 15 năm với lãi suất 9,70% một năm, trả trước hàng năm.

Trái phiếu của công ty Dịch vụ tiết kiệm Bưu điện bằng đồng Việt Nam là trái phiếu 2 năm có lãi suất 8,52% một năm, trả trước 6 tháng một lần.

8. CHO VAY VÀ TẠM ÚNG CHO KHÁCH HÀNG

	2002	2003
Cho vay thông thường	1.837.161	2.243.923
Nợ chờ xử lý đã có tài sản xiết nợ, gán nợ	44.567	36.106
Nợ chờ xử lý không có tài sản xiết nợ, gán nợ	14.590	13.419
Nợ cho vay được khoanh	-	3.058
Tổng	1.896.318	2.296.506

Các khoản cho vay thông thường bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Các khoản cho vay bằng đồng Việt Nam có lãi suất dao động từ 8,40% đến 10,20% một năm tùy theo thời hạn cho vay. Các khoản cho vay bằng Đô la Mỹ có lãi suất từ 4,00% đến 7,20% một năm

Phân tích dư nợ cho vay của Ngân hàng theo các ngành kinh tế như sau:

Khách hàng theo ngành kinh tế	31-12-2002	Tỷ trọng	31-12-2003	Tỷ trọng
Thương mại	1.099.864	58%	1.133.371	50%
Nông lâm nghiệp	37.926	2%	86.112	4%
Sản xuất và Chế biến	493.043	26%	674.211	29%
Xây dựng	170.669	9%	108.630	5%
Vận tải và thông tin liên lạc	18.963	1%	53.418	2%
Khách sạn	18.963	1%	48.303	2%
Các ngành khác	56.890	3%	192.461	8%
Tổng	1.896.318	100%	2.296.506	100%

Phân tích dư nợ cho vay của Ngân hàng theo loại hình doanh nghiệp như sau:

Khách hàng theo loại hình doanh nghiệp	31-12-2002	Tỷ trọng	31-12-2003	Tỷ trọng
Doanh nghiệp Nhà nước	233.247	12%	220.717	10%
Công ty Trách nhiệm hữu hạn	1.053.784	56%	1.262.431	55%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	70.922	4%	140.281	6%
Cá nhân	538.365	28%	673.077	29%
Tổng	1.896.318	100%	2.296.506	100%

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

9. DỰ PHÒNG TÍN DỤNG

	2002	2003
Số dư ngày 1 tháng 1	17.503	37.857
Dự phòng trích lập tăng trong năm	46.959	47.899
Xóa nợ trong năm	(26.605)	(2.588)
Số dư ngày 31 tháng 12	37.857	83.168

10. ĐẦU TƯ, GÓP VỐN LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Các khoản đầu tư góp vốn liên kết, liên doanh của Ngân hàng bao gồm:

	2002	2003
Đầu tư vào các TCTD và tổ chức tài chính tương tự	3.000	3.000
Đầu tư vào các đơn vị kinh tế khác	5.815	5.015
Tổng	8.815	8.015

Chi tiết các khoản đầu tư của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2003 như sau:

Tên đơn vị	Tổng vốn điều lệ của đơn vị được đầu tư	Cam kết góp vốn của NH	Vốn góp thực
		(%)	
Đầu tư vào các TCTD và tổ chức tài chính tương tự			
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp Hồ Chí Minh	60.000	3.000	5%
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác			
Công ty cổ phần Bất động sản TOGI	28.000	2.700	9.6%
Công ty Cho thuê tài chính Việt Nam	N/A	10.000	50
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dung Quất	51.000	3.500	6.9%
Công ty cổ phần Thương mại và Cho thuê thiết bị LEACON	2.600	250	9.6%
Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Văn hoá Thiên Bảo	3.600	300	8.3%
Công ty Đào tạo Nghiệp vụ Ngân hàng	1.350	150	11.1%
Công ty cổ phần Thẻ tín dụng và Dịch vụ Ngân hàng	N/A	30	30
Tổng		19.930	8.015

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

11. CÁC TÀI SẢN KHÁC

	2002	2003
Tạm ứng cho các hoạt động ngân hàng	403	1.236
Chi phí trả trước	8.730	3.738
Tạm ứng nộp Ngân sách Nhà nước	167	13
Tạm trích các quỹ	2.307	-
Các tài sản khác	2.223	4.267
Tổng	13.830	9.254

12. TIỀN GỬI VÀ VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	2002	2003
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD bằng ĐVN	477.864	1.344.802
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD bằng ngoại tệ	352.542	1.115.749
Tham gia đồng tài trợ của các ngân hàng khác bằng ĐVN	115.215	-
Tham gia đồng tài trợ của các ngân hàng khác bằng ngoại tệ	78.526	-
Nhận vốn ủy thác bằng ĐVN	15.031	31.808
Nhận vốn ủy thác bằng ngoại tệ	11.272	1.272
Vay hỗ trợ đặc biệt	256.498	3.058
Tổng	1.306.948	2.496.689

Tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng. Tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam có lãi suất từ 3,70% đến 8,40% một năm. Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đô la Mỹ có lãi suất từ 1,10% đến 1,70% một năm.

Vốn ủy thác thể hiện nguồn vốn nhận được từ các ngân hàng khác (ngân hàng ủy thác) để cho vay một số khách hàng theo chỉ định của ngân hàng ủy thác. Ngân hàng ủy thác chịu mọi trách nhiệm từ các khoản cho vay các khách hàng này và Ngân hàng được nhận phí ủy thác khoảng 6,24% một năm cho các khoản vay từ 6 tháng đến một năm bằng đồng Việt Nam và khoảng 2,30% một năm cho các khoản vay từ 6 tháng đến một năm bằng ngoại tệ.

Vay hỗ trợ đặc biệt là các khoản vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xử lý các khoản nợ vay Ngân hàng đối với người trồng, chăm sóc, thu mua và chế biến theo quyết định của Ngân hàng nhà nước số 525/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 5 năm 2002. Các khoản vay này không chịu lãi suất và sẽ đáo hạn vào ngày 3 tháng 6 năm 2005.

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

13. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	2002	2003
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ĐVN	306.708	474.393
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ĐVN	4.739	2.584
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	36.204	76.608
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	14.767	10.008
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ĐVN	88.770	192.006
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ĐVN	668.592	957.977
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	123.141	42.142
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	606.329	675.863
Tiền ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ bằng ĐVN	46.387	69.988
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	112.107	102.126
Các khoản phải trả khách hàng khác	16.819	15.925
Tổng	2.024.563	2.619.620

Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam có lãi suất 2,40% một năm. Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ có lãi suất khoảng 1,00% một năm. Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ có lãi suất từ 1,00% đến 1,20% một năm.

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các loại kỳ hạn 1, 3, 6, 9, 12 và 13 tháng. Khách hàng có thể rút trước ngày đáo hạn tiền gửi có kỳ hạn bằng cách thỏa thuận với Ngân hàng. Trong trường hợp này, lãi suất nhận được sẽ chỉ bằng lãi suất áp dụng cho tiền gửi không kỳ hạn. Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam có lãi suất dao động từ 5,00% đến 8,40% một năm. Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ có lãi suất từ 1,25% đến 3,40% một năm.

Tiền gửi ký quỹ bao gồm tiền gửi ký quỹ thanh toán séc, thanh toán mở thư tín dụng trả ngay và các bảo lãnh tài chính khác như bảo lãnh vay vốn, thanh toán, dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

14. CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

	2002	2003
Thuế VAT phải trả	469	338
Các khoản thuế khác	-	9.318
Các khoản thuế phải trả khác	39.224	25.676
Tổng	39.693	35.332

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

15. VỐN ĐIỀU LỆ

	2002	2003
Số dư ngày 1 tháng 1	102.345	117.870
Vốn góp tăng trong năm	15.525	62.130
Số dư tại ngày 31 tháng 12	117.870	180.000

Theo Quyết định số 270/NHNN-QLTD ngày 23 tháng 4 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 180.000 triệu ĐVN. Vốn điều lệ mới được phát hành và đã được góp đầy đủ vào ngày 31 tháng 12 năm 2003 bao gồm 60.795 triệu đồng tiền mặt Việt Nam và 1.335 triệu đồng Việt Nam chuyển từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

16. CÁC QUỸ DỰ TRỮ

	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ trợ cấp mất việc làm	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phát triển kinh doanh	Tổng cộng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2002	632	4.730	365	125	55	474	6.381
Tăng quỹ dự trữ từ lợi nhuận để lại của năm ngoài	530	949	1.029	353	155	0	3.016
Sử dụng trong năm	(97)	(320)	(749)	(102)	(65)	(432)	(1.635)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2002	1.065	5.359	645	376	275	42	7.762
Tăng trong năm	1.147	1.210	605	512	512	-	3.986
Lãi phát hành cổ phiếu	510	-	-	-	-	-	510
Kết chuyển thêm từ lợi nhuận để lại từ năm ngoài	363	690	345	291	291	-	1.980
Trích lập các quỹ dự trữ	273	520	260	221	221	-	1.495
Giảm trừ	(1.335)	-	-	(490)	(670)	-	(2.495)
Sử dụng trong năm	(1.335)	-	-	(490)	(670)	-	(2.495)
Các khoản giảm trừ khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2003	876	6.570	1.250	398	116	42	9.252

Ngân hàng chưa trích đủ các quỹ dự trữ theo quy định cho năm tài chính 2003.

Trong năm 2003, Ngân hàng đã bổ sung 1.335 triệu đồng Việt Nam vốn điều lệ từ quỹ bổ sung vốn điều lệ.

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đơn vị tính: Triệu ĐVN

17. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG

Tiền và các khoản tiền tương đương thể hiện trên Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	2002	2003
Tiền và tương đương tiền tại quỹ	63.220	114.278
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	59.390	74.385
Tài khoản thanh toán tại các ngân hàng khác	45.176	49.549
Tiền gửi và cho vay các ngân hàng khác thời hạn dưới 1 tháng	-	176.715
Tiền gửi của các ngân hàng khác	-	(32.296)
Tiền gửi và vay của các ngân hàng khác thời hạn dưới 1 tháng	-	(459.840)
Tổng	167.786	(77.210)

18. CÁC KHOẢN MỤC CẦN GHI NHỚ

Trong quá trình kinh doanh Ngân hàng đã thực hiện nhiều khoản cam kết bảo lãnh cho khách hàng. Số dư của các khoản cam kết và bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng như sau:

	2002	2003
Thư tín dụng trả ngay	728.747	358.324
Thư tín dụng trả chậm	-	62.950
Các khoản bảo lãnh tài chính	135.756	140.970
Cam kết mua ngoại tệ	462.522	1.461.451
Cam kết bán ngoại tệ	158.027	1.462.188
Tổng số	1.485.052	3.485.883

Các khoản cam kết và bảo lãnh những công cụ liên quan đến tín dụng bao gồm thư tín dụng và bảo lãnh cho khách hàng. Số dư các tài khoản này thể hiện mức rủi ro một khi hợp đồng đến hạn mà khách hàng không trả được. Tuy nhiên, phần lớn các khoản bảo lãnh và thư tín dụng đến hạn mà không cần đến Ngân hàng thực hiện cam kết của mình, do đó tổng số dư các tài khoản này không phản ánh nhu cầu/rủi ro thanh khoản trong tương lai.

Cam kết mua bán ngoại tệ là những cam kết mua hay bán ngoại tệ trong các hợp đồng kinh doanh ngoại tệ giao ngay và có kỳ hạn với các TCTD khác hay khách hàng. Theo Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các cam kết mua hay bán ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán không phải hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho đến khi các hợp đồng mua bán ngoại tệ hoàn tất.

PUSAN
PUSAN BANK

RIGA
NORDEA BANK FINLAND PLC LATVIA BRANCH

RIO DE JANEIRO
ANZ PARTICIPACOES E SERVICOS LTDA.
BANKBOSTON N.A., BRAZIL

ROMA
BANCA NAZIONALE DEL LAVORO S.P.A.
BANCA NOUVA SPA
BANCA TOSCANA S.P.A.
INTESABCI S.P.A.
(FORMERLY BANCO AMBROSIANO VENETO S.P.A.)

ROTTERDAM
HOLLANDSCHE BANK-UNIE N.V.

SAN FRANCISCO,CA
UNION BANK OF CALIFORNIA

SAO PAULO
BANCO BNL DO BRASIL S.A.
BANKBOSTON BAANCO MULTIPLO S.A.
BANKBOSTON N.A., BRAZIL

SEOUL
HANA BANK
INDUSTRIAL BANK OF KOREA
KOOKMIN BANK
KOREA EXCHANGE BANK
NATIONAL AGRICULTURAL COOPERATIVE FEDERATION
PUSAN BANK
SHINHAN BANK
WOORI BANK

SHENZHEN
SHENZHEN DEVELOPMENT BANK CO.,LTD

SINGAPORE
UNITED OVERSEAS BANK LIMITED

STOCKHOLM
DANSKE BANK
NORDEA BANK SWEDEN AB, (PUBL)
SKANDINAVISKA ENSKILDA BANKEN
SVENSKA HANDELSBANKEN
SWEDBANK

SYDNEY
AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED
COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA

TAIPEI
BANK SINOPAC
CHINFON COMMERCIAL BANK
E.SUN COMMERCIAL BANK LTD.

TEL-AVIV
CITIBANK N.A.

TOKYO
BANK OF TOKYO MITSUBISHI
MIZUHO CORPORATE BANK, LTD
SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION
UFJ BANK LIMITED TOKYO

VIENNA
DONAU-BANK,AKTIENGESELLSCHAFT

VIENTIANE
BANQUE POUR LE COMMERCE EXTERIEUR LAO

ZURICH
BIPIELLE BANK (SUISSE), (GRUPPO BIPIELLE)
CREDIT SUISSE
UBS AG

TECHCOMBANK 

HỘI SỞ

15 Đào Duy Từ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84.4) 824 3941 Fax: (84.4) 825 0545
Telex: 411 349 HSC TCB
SWIFT: VTCB VN VX REUTERS: TCBV
E-mail: ho@techcombank.com.vn

HÀ NỘI

TECHCOMBANK THĂNG LONG
193 C3 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84.4) 976 0055 / 976 0056
Fax: (84.4) 976 0057
E-mail: thanglong@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK HOÀN KIẾM
19-25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84.4) 934 7819
Fax: (84.4) 824 9877
E-mail: hoankiem@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK CHUONG DUONG
(Toà nhà Công ty Airimex)
100 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
Tel: (84.4) 872 2222
Fax: (84.4) 872 2242
E-mail: chuongduong@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK ĐỒNG ĐÀ
192 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84.4) 537 3586
Fax: (84.4) 537 3565
E-mail: dongda@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK NGỌC KHÁNH
105 B2 Nguyễn Chí Thanh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84.4) 831 6754
Fax: (84.4) 831 6753
E-mail: ngockhanh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK KHÂM THIÊN
358 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84.4) 511 3096
Fax: (84.4) 511 3097
E-mail: khamthien@techcombank.com.vn

HẢI PHÒNG

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
16 Trần Hưng Đạo, Hải Phòng
Tel: (84.31) 810 868
Fax: (84.31) 810 866
E-mail: haiphong@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TÔ HIỆU
267 A Tô Hiệu, Hải Phòng
Tel: (84.31) 700 287
Fax: (84.31) 700 866
E-mail: tohieu@techcombank.com.vn

ĐÀ NẴNG

TECHCOMBANK ĐÀ NẴNG
244-248 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
Tel: (84.511) 655 118
Fax: (84.511) 655 455
E-mail: danang@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK THANH KHÊ
119 Lý Thái Tổ, Đà Nẵng
Tel: (84.511) 650 808
Fax: (84.511) 650 807
E-mail: thanhkhe@techcombank.com.vn

HỒ CHÍ MINH

TECHCOMBANK HỒ CHÍ MINH
24-26 Pasteur, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 821 2155
Fax: (84.8) 821 2153
E-mail: hochiminh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TÂN BÌNH
5 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 811 7536
Fax: (84.8) 811 7531
E-mail: tanbinh@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK CHỢ LỚN
78-80-82 Hậu Giang, Phường 6,
Quận 6, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 960 3949
Fax: (84.8) 960 3948
E-mail: cholon@techcombank.com.vn

TECHCOMBANK TRƯƠNG ĐÌNH
107 N Trương Định, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 930 4532
Fax: (84.8) 930 4491
E-mail: thangloi@techcombank.com.vn

www.techcombank.com.vn



DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

CORRESPONDENT BANKS

ABU DHABI

HSBC BANK MIDDLE EAST
INTESABCI S.P.A
STANDARD CHARTERED BANK

ALMA-ATA

BANK TURANALEM

AMSTERDAM

ABN AMRO BANK N.V.
LANSCHOT BANKIERS NV F. VAN

ALTAMTA, GA

BANK OF AMERICA, N.A.
FLEET NATIONAL BANK

BANGKOK

BANK OF ASIA PUBLIC COMPANY LIMITED BANGKOK
(MEMBER OF ABN AMRO)

BEIJING

BANK OF CHINA
CHINA CONSTRUCTION BANK (FORMERLY PEOPLE'S CONSTRUCTION BANK OF CHINA, THE)
CHINA EVERBRIGHT BANK
HUA XIA BANK
INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF CHINA
INDUSTRIAL BANK CO.,LTD

BERLIN

BERLINER BANK NIEDERLASSUNG DER BANKGESELLSCHAFT BERLIN AG

BRUSSELS

BANQUE BRUXELLES LAMBERT S.A. (MEMBER OF ING GROUP)
BELGOLAISE

BUDAPEST

CENTRAL-EUROPEAN INTERNATIONAL BANK LTD.

BUJUMBURA

BANQUE DE CREDIT DE BUJUMBURA

CAIRO

EXPORT DEVELOPMENT BANK OF EGYPT

CHARLOTTE, NC

WACHOVIA BANK, NA

CHONGQING

CHONGQING COMMERCIAL BANK

COPENHAGEN

DANSKE BANK A/S
MIDTBANK A/S
NORDEA BANK DENMARK A/S

DAIMMAM

SAUDI BRITISH, THE

DELHI

CORPORATION BANK

DOUGLAS

AIB BANK

DUBAI

HSBC BANK MIDDLE EAST
STANDARD CHARTERED BANK

FRANKFURT AM MAIN

BANKGESELLSCHAFT BERLIN AG
BHF-BANK
DEUTSCHE BANK AG
DRESDNER BANK AG
DWS INVESTMENT GMBH

HAMBURG

SCHIFFSHYPOTHEKENBANK ZU LUEBECK DER DEUTSCHEN BANK

HELSINKI

SAMPO BANK PLC (FORMERLY LEONIA BANK)

HONG KONG

HONGKONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION LIMITED, THE

HONIARA

AUTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED

HSINCHU

HSINCHU INTERNATIONAL BANK

JERUSALEM

STANDARD CHARTERED BANK

JOHANNESBURG

CITIBANK SOUTH AFRICA

KARACHI

STANDARD CHARTERED BANK

KIEV

PROMINVESTBANK
THE STATE EXPORT-IMPORT BANK OF UKRAINE JSC

KUALA LUMPUR

MALAYAN BANKING BERHAD (MAYBANK)

LIMA

BANK OF BOSTON PERU

LISBON

CAIXA CENTRAL DE CREDITO AGRICOLA MUTUO

LJUBLJANA

NOVA LJUBLJANSKA BANKA D.D.

LONDON

STANDARD CHARTERED BANK

LOSS ANGELES, CA

BANK OF AMERICA, N.A.
FAR EAST NATIONAL BANK

MEXICO

BANCO DE BOSTON S.A.
BANK OF AMERICA, MEXICO S.A.

MINSK

JOINT-STOCK SAVINGS BANK BELARUSBANK
OPEN JOINT STOCK COMPANY BELVNESHECONOMBANK
PRIORBANK

MOSCOW

ABSOLUT BANK
BANK FOR FOREIGN TRADE
SLAVINVESTBANK LIMITED

MUMBAI

CORPORATION BANK
HDFC BANK LIMITED

NEW YORK, NY

BANK OF AMERICA, N.A.
BANK OF NEW YORK
CITIBANK N.A.
DEUTSCHE BANK TRUST COMPANY AMERICAS
JPMORGAN CHASE BANK
WACHOVIA BANK, NA

PARIS

BANQUE COMMERCIALE POUR L'EUROPE DU NORD (EUROBANK) S.A.
BANQUE FEDERATIVE DU CREDIT MUTUEL
BANQUE SCALBERT DUPONT S.A.
BANQUE TRANSATLANTIQUE S.A.
BELGOLAISE
CIC SECURITIES
CREDIT INDUSTRIAL ET COMMERCIAL
CREDIT MUTUEL
FORTIS BANQUE FRANCE
LYONNAISE DE BANQUE
NATEXIS BANQUES POPULAIRES

www.techcombank.com.vn